

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN PHONG
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 20/6/2023

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN PHONG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Xuân Xế

Ông Trương Văn Tiến

Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Thị Bích Ngọc - Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 20/6/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2023/TLST-HNGĐ, ngày 21/02/2023 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/5/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1987. Có mặt

Bị đơn: Anh Đào Sĩ A, sinh năm 1986. Vắng mặt

Cùng trú tại: Thôn Lạc Trung, xã Dũng Liệt, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Toà án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Đào Sĩ A kết hôn ngày 07/12/2010, trước khi cưới có được tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Dũng Liệt, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Sau khi cưới, chị về chung sống, làm ăn chung cùng gia đình anh An. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ giữa năm 2016. Nguyên nhân là do anh An chơi lô đề, nợ nần, không có tiền để lo cho gia đình và các con. Các con và mọi chi phí sinh hoạt trong gia đình đều do tôi lo. Năm 2019, anh A bắt đầu có biểu hiện ngoại tình nhưng tôi cũng không để ý. Tháng 6, tháng 7 năm 2022 mâu thuẫn vợ chồng trở lên trầm trọng. Anh A quan hệ ngoại tình công khai với cô Nguyễn Thị Hương, sinh năm 1993 ở huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Ngoài ra anh A chơi tài xỉu nợ nần, có người đến tận nhà đòi nợ, gọi điện làm phiền chị. Chị có khuyên giải

nhưng anh A không thay đổi, mà còn về gây sự, chửi bới, đánh đập chị. Bố mẹ chồng chị có bệnh vực và bảo vệ chị, nói anh A nhưng anh A còn có thái độ chống đối với bố mẹ chồng chị. Hiện chị và các con vẫn ở với ông bà nội, anh An cũng ở cùng nhà, nhưng vợ chồng không nói chuyện, từ tháng 6/2022 đến nay vợ chồng ly thân không quan hệ vợ chồng, việc ai người đó làm. Nay, chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng rất trầm trọng và xin ly hôn anh A.

Về con chung: Vợ chồng có 3 con chung là Đào Thị Trà G, sinh ngày 04/7/2011; Đào Thị Khánh N, sinh ngày 16/02/2016; Đào Sĩ Kh, sinh ngày 04/9/2020. Ly hôn, chị xin nuôi cả 3 con chung, cấp dưỡng nuôi con do anh A tự nguyện.

Chị đang làm kế toán ở công ty TNHH Minh Việt Bắc Ninh (cung cấp thực phẩm) có địa chỉ tại thôn Lạc Trung, xã Dũng Liệt, thu nhập khoảng 8 triệu/tháng. Ngoài ra, chị còn làm thêm nghề in ảnh, thu nhập khoảng 2-3 triệu/tháng. Về điều kiện ăn ở: Bố mẹ chồng chị vẫn luôn ủng hộ và mẹ con tôi ở trên nhà đất của ông bà. Bố mẹ đẻ của chị T đảm bảo chỗ ở ổn định cho mẹ con chị sau khi ly hôn.

Về tài sản chung, công nợ, trích chia công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn là anh Đào Sĩ A trình bày: Anh A xác nhận lời trình bày của chị T về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn là đúng. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh ham chơi, trước kia anh cũng có nợ bên ngoài nhưng hiện đã tự trả hết, không yêu cầu chị T phải trả. Anh thường xuyên đi sớm về muộn, không quan tâm đến vợ con dẫn đến vợ chồng không có thời gian nói chuyện, hỏi han nhau nên dần xa lánh. Hiện chị T và các con vẫn ở nhà với bố mẹ anh, nhưng vợ chồng ít nói chuyện, việc ai người đó làm. Gia đình hai bên có biết về mâu thuẫn vợ chồng, có khuyên giải nhưng không có kết quả. Nay, anh xác định vẫn còn tình cảm và mong muốn về đoàn tụ vợ chồng để cùng nuôi dạy các con. Anh sẽ thay đổi bản thân, dành thời gian quan tâm đến vợ con và cố gắng làm ăn để vợ con bớt khổ.

Về con chung: anh xác nhận vợ chồng có 3 con chung như chị T trình bày là đúng. Trường hợp ly hôn, anh xin nuôi cháu Kh, đồng ý để chị T nuôi cháu Gi và cháu Ng. Cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh đang làm công nhân công ty Sam Hong Sa, có địa chỉ tại thôn Lạc Trung, xã Dũng Liệt, huyện Yên Phong. Thu nhập khoảng 8-10 triệu/tháng. Về điều kiện ăn ở: anh đang sống cùng bố mẹ tôi tại Lạc Trung, Dũng Liệt có nhà đất ổn định.

Về tài sản chung, công nợ: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong phát biểu ý kiến đã đánh giá việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án là đúng pháp luật; việc chấp hành pháp luật của các đương sự là đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình.

- Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh An đã trầm trọng, đề nghị Hội đồng xét xử xử cho chị T được ly hôn anh An.

- Về con chung: Đề nghị giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 03 con chung là Đào Thị Trà Giang, sinh ngày 04/7/2011; Đào Thị Khánh Ngọc, sinh ngày 16/02/2016 và Đào Sĩ Khoa, sinh ngày 04/9/2020. Cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị T có đơn xin ly hôn anh Đào Sĩ An theo đúng mẫu và nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định. Chị T và anh An đều cư trú tại thôn Lạc Trung, xã Dũng Liệt, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Yên Phong thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Nguyễn Thị T và anh Đào Sĩ An kết hôn ngày 07/12/2010, trước khi cưới có được tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Dũng Liệt, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Sau khi cưới, chị T về chung sống, làm ăn chung cùng gia đình anh A. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ giữa năm 2016. Nguyên nhân là do anh A chơi lô đề, nợ nần, không có tiền để lo cho gia đình và các con. Năm 2019, anh A bắt đầu có biểu hiện ngoại tình. Đến tháng 6, tháng 7 năm 2022 mâu thuẫn vợ chồng trở lên trầm trọng do anh A quan hệ ngoại tình, chơi tài xỉu nợ nần, có người đến tận nhà đòi nợ. Chị T và bố mẹ anh An có khuyên giải nhưng anh A không thay đổi, mà còn về gây sự, chửi bới, đánh đập chị T. Anh thường xuyên đi sớm về muộn, không quan tâm đến vợ con dẫn đến vợ chồng không có thời gian nói chuyện, hỏi han nhau nên dần xa lánh Hiện chị T, anh An và các con

vẫn ở với ông bà nội, nhưng vợ chồng không nói chuyện, từ tháng 6/2022 đến nay vợ chồng ly thân không quan hệ vợ chồng, việc ai người đó làm.

HĐXX nhận định mâu thuẫn vợ chồng chị T, anh A là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Anh An không đồng ý ly hôn nhưng vẫn chơi bời, nợ nần, không thay đổi, không có biện pháp gì hàn gắn quan hệ vợ chồng. Do vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị T là chính đáng và cần được chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 3 con chung là Đào Thị Trà G, sinh ngày 04/7/2011; Đào Thị Khánh Ng, sinh ngày 16/02/2016; Đào Sĩ Kh, sinh ngày 04/9/2020. Ly hôn, chị xin T nuôi cả 3 con chung, không yêu cầu anh An cấp dưỡng nuôi con. Anh A xin nuôi cháu Đào Sĩ Kh, đồng ý để chị T nuôi cháu Giang và cháu Ngọc. Cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy, cháu Đào Thị Trà Gi và cháu Đào Thị Khánh Ng đều có nguyện vọng ở với mẹ, cả hai cháu đều sợ ở với bố vì đã bị bố đánh làm ảnh hưởng đến tâm lý của các cháu. Mặc dù chị T và anh A đều có chỗ ở ổn định; Tuy nhiên, anh A không có khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Hiện tại anh A không có việc làm, đang hưởng trợ cấp thất nghiệp theo Quyết định của Sở Lao động thương binh và xã hội Bắc Ninh, anh A thường xuyên đi sớm về muộn, không quan tâm đến con chung; Anh A cho rằng anh đang làm công nhân Công ty Sam Hong Sa tại Yên Phong, có thu nhập khoảng 8-10 triệu/tháng, tuy nhiên anh không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Chị T là kế toán, có việc làm ổn định, thu nhập từ 10-11 triệu đồng/tháng, chị T có đủ khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng cả 03 con chung.

Ly hôn, anh A đồng ý giao cháu Gi và cháu Ng cho chị T nuôi dưỡng, sự thỏa thuận của hai bên là tự nguyện nên HĐXX chấp nhận; cháu Đào Sĩ Kh sinh ngày 04/9/2020, cháu Kh còn nhỏ, hiện cháu Kh chưa đủ 36 tháng tuổi, cần sự chăm sóc và nuôi dưỡng của người mẹ. Xét về điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, cần giao cả 3 con chung cho chị T nuôi dưỡng chăm sóc là phù hợp.

[4] Về tài sản chung, công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 235, 262, 264, 266 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị Quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T. Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Đào Sỹ A.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 03 con chung là Đào Thị Trà G, sinh ngày 04/7/2011; Đào Thị Khánh Ng, sinh ngày 16/02/2016 và Đào Sĩ Kh, sinh ngày 04/9/2020. Cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con sau ly hôn. Người trực tiếp nuôi con chung cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con sau ly hôn.

3. Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2021/0004600 ngày 21/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Phong.

5. Về quyền kháng cáo: Dương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Dương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Xuân Xế

Trương Văn Tiến

Vũ Thu Trang

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND huyện Yên Phong;
- Thi hành án huyện Yên Phong;
- Đương sự;
- Lu hồ sơ, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thu Trang